

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;
- Bà Nguyễn Thị Thay.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995; cư trú tại: Tổ 2, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Thanh D, sinh năm 1995; cư trú tại: Tổ 4, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thùy và anh Trần Thanh D tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn ngày càng tăng. Nay vợ chồng chung sống không còn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung tên Trần Nhất K, sinh ngày 08/11/2016. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 5 năm 2023, bị đơn anh Trần Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên Trần Nhất K, sinh ngày 08/11/2016. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D.

+ Về nuôi con chung: Giao chị Trần Thị T nuôi dưỡng con chung là Trần Nhất K, sinh ngày 08/11/2016. Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu anh Trần Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Thùy và anh Duy.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây

Ninh. Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn do cuộc sống không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất đồng và không còn tin tưởng lẫn nhau. Anh Trần Thanh D đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh D.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D có con chung tên Trần Nhất K, sinh ngày 08/11/2016. Chị T và anh D thống nhất giao cháu Trần Nhất K cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Trần Nhất K, sinh ngày 08/11/2016. Ghi nhận chị Trần Thị T không yêu cầu anh Trần Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007915 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Trần Thanh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Hà

